



VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:122/2026/VBHN-NĐ-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Bộ Xây dựng**

Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025;

2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025;

3. Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026;

4. Nghị định số 354/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng¹;

¹ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP có các căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.”.

Nghị định số 193/2025/NĐ-CP có các căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.”.

Nghị định số 35/2026/NĐ-CP có các căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Điều 1. Vị trí và chức năng²

Bộ Xây dựng là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc; hoạt động xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hằng năm của bộ đã được phê duyệt và các nghị quyết, dự án, đề án, chương trình theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ và theo quy định của pháp luật.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác theo phân công.

3. Ban hành thông tư và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, thiết kế điển hình, thiết kế mẫu, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ tiêu, tiêu chí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.”.

Nghị định số 354/2026/NĐ-CP có các căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng”.

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao trong phạm vi toàn quốc; rà soát, đánh giá, tổ chức chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

5. Về quy hoạch đô thị và nông thôn³, kiến trúc:

a)⁴ Tổ chức lập, thẩm định Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn; tham gia công tác thẩm định các quy hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch;

b) Tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

c) Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch, lập quy chế quản lý kiến trúc;

d) Xây dựng, tổ chức thực hiện Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam phù hợp với từng giai đoạn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành; hướng dẫn việc lập danh mục và quản lý công trình kiến trúc có giá trị;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quy hoạch, kiến trúc gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa; bảo đảm kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên phạm vi cả nước;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, quản lý không gian, cảnh quan kiến trúc theo quy hoạch và quy chế quản lý kiến trúc (gồm không gian trên mặt đất và không gian ngầm);

g) Ban hành mẫu thiết kế kiến trúc cho các công trình công cộng, nhà ở nông thôn và các công trình kiến trúc khác theo quy định;

h) Quy định, hướng dẫn việc tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch, thi tuyển phương án kiến trúc và quản lý hành nghề về quy hoạch đô thị và nông thôn, hành nghề kiến trúc.

6. Về hoạt động⁵ xây dựng:

³ Cụm từ “đô thị và nông thôn” được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

⁵ Cụm từ “đầu tư” tại tên khoản được bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định về lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình; năng lực hoạt động xây dựng; nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định nêu tại điểm a khoản này;

c) Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

d) Hướng dẫn áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng; việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu;

đ) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng⁶;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng, hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của pháp luật; hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng; công bố mẫu hợp đồng xây dựng; hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí, phương pháp xác định giá dịch vụ hạ tầng kỹ thuật;

g) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật;

h)⁷ (được bãi bỏ)

i) Ban hành, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quy định việc áp dụng các công cụ cần thiết trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng; hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quy định việc xác định định mức mới, điều chỉnh định mức; quy định việc xác định chỉ số giá xây dựng công trình trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên; ban hành định mức xây dựng; công bố suất vốn đầu tư xây dựng, giá xây dựng tổng hợp, chỉ số giá xây dựng quốc gia, định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản để tính giá ca máy;

k) Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao,

⁶ Cụm từ “, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng” được bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

⁷ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm về chất lượng công trình xây dựng; đình chỉ hoặc kiến nghị đình chỉ thi công và yêu cầu chủ đầu tư, tư vấn, các nhà thầu khắc phục trong trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đạt yêu cầu, công tác thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về an toàn lao động; tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật;

l) Hướng dẫn các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng; kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền các hoạt động giám định xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, giám định nguyên nhân sự cố trong thi công xây dựng và trong quá trình khai thác, sử dụng công trình;

m) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng; chủ trì tổ chức và xét duyệt giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng;

n) Hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo trì công trình xây dựng, đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; công bố, hướng dẫn xử lý công trình hết thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật;

o)⁸ Thống nhất quản lý nhà nước về việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề; quản lý cấp mã số chứng chỉ hành nghề;

p) Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng theo quy định pháp luật.

7. Về phát triển đô thị:

a) Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án quan trọng quốc gia về phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thông minh quốc gia⁹; các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước theo từng giai đoạn;

b) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định về: Quản lý quá trình đô thị hóa; quản lý, đầu tư phát triển không gian đô thị (bao gồm không gian trên mặt đất và không gian ngầm), các mô hình phát triển đô thị; quản lý kế hoạch, chương trình nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đô thị, nâng cao năng lực chống chịu ứng phó biến đổi khí hậu của đô thị; khai thác, sử dụng và bàn giao quản lý các khu đô thị; hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; lập và quản lý chi phí các dịch vụ tiện ích trong khu đô thị, chi phí lập và thẩm định khu vực phát triển đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án, báo cáo phân loại đô thị;

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

⁹ Cụm từ “, định hướng phát triển đô thị thông minh quốc gia” được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

c)¹⁰ (*được bãi bỏ*)

d)¹¹ Tổ chức thẩm định, ban hành quyết định công nhận đô thị loại I;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách, các quy định pháp luật về phát triển đô thị, hoạt động đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền quy định; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt;

g) Tổ chức các hoạt động vận động, xúc tiến và điều phối các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho việc đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật và phân công của Chính phủ;

h) Tổ chức xây dựng, tích hợp, quản lý và khai thác hệ thống dữ liệu đô thị quốc gia.

8. Về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); công viên, cây xanh đô thị và khu dân cư nông thôn¹²; chiếu sáng đô thị và khu dân cư nông thôn¹³; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý không gian xây dựng ngầm; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu dân cư nông thôn:

a) Xây dựng định hướng, chiến lược, đề án, chương trình quốc gia về phát triển hạ tầng kỹ thuật, các chỉ tiêu quốc gia về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật theo định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn; các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

c) Xây dựng cơ chế, chính sách, quy định về phát triển, quản lý vận hành,

¹⁰ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

¹¹ Điểm này bị bãi bỏ bởi điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 35/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026; được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

¹² Cụm từ “và khu dân cư nông thôn” được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

¹³ Cụm từ “và khu dân cư nông thôn” được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

khai thác sử dụng, bàn giao hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật; hướng dẫn quy trình đối với dịch vụ hạ tầng kỹ thuật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động kinh doanh nước sạch và thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;¹⁴

đ) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quy định việc phân cấp, phân loại đường đô thị; xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng đường đô thị;

e) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định đánh giá sự phù hợp và khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật đối với các dự án đầu tư xây dựng;

g) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật.

9. Về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không dân dụng:

a) Trình Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu hạ tầng giao thông và quy định việc quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông theo thẩm quyền;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cơ quan chủ quản quản lý các chương trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; công bố danh mục dự án gọi vốn đầu tư và hình thức đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc công bố, phân loại, đặt tên, điều chỉnh, đóng, mở, tháo dỡ, đưa vào khai thác, dừng, tạm dừng khai thác công trình đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thực hiện việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận, giấy phép theo thẩm

¹⁴ Cụm từ “hoạt động kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hòa táng;” được bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

quyền và quy định của pháp luật.

10. Về nhà ở:

a) Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển các loại hình nhà ở, chương trình mục tiêu quốc gia có nội dung hỗ trợ nhà ở, chương trình đầu tư công về nhà ở; tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia có nội dung hỗ trợ nhà ở;

b) Xây dựng Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia cho từng thời kỳ, xác định chỉ tiêu cơ bản về phát triển nhà ở trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn; tổ chức thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy định về mức kinh phí để xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh; kiểm tra chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh theo quy định;

c) Ban hành mẫu hợp đồng mua bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở thuộc tài sản công; mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội;

d) Đại diện chủ sở hữu đối với nhà ở công vụ, nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngân sách trung ương; nhà ở sinh viên do cơ sở giáo dục công lập trực thuộc đang quản lý;

đ) Thẩm định nội dung liên quan đến nhà ở đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; chủ trì thẩm định quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ, dự án mua nhà ở thương mại để làm nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; có ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

e) Ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; quy định chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý vận hành nhà chung cư. Công khai danh mục đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư trên Cổng thông tin điện tử của bộ;

g) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chuẩn, diện tích, định mức trang thiết bị nội thất nhà ở công vụ, quyết định đối tượng được sử dụng nhà ở công vụ của bộ, ngành; thẩm định hoặc có ý kiến đối với nhu cầu về nhà ở công vụ, kế hoạch phát triển nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tạo lập, quản lý vận hành, bảo trì, cải tạo, sửa chữa bố trí cho thuê nhà ở công vụ đối với cán bộ thuộc các cơ quan trung ương theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

h) Xây dựng, trình Chính phủ quy định việc xác định giá thuê nhà ở công vụ; giá bán, giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội không bằng nguồn vốn đầu tư công,

nguồn tài chính công đoàn; giá nhà ở xã hội, nhà ở lực lượng vũ trang nhân dân thuộc tài sản công; phương pháp xác định giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công;

i) Quy định về yêu cầu xây dựng về nhà ở nhiều tầng, nhiều căn hộ của cá nhân;

k) Kiểm tra việc dành quỹ đất và sự phù hợp của việc bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân trong các quy hoạch theo quy định;

l) Chấp thuận hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển đổi công năng nhà ở theo quy định của pháp luật.

11. Về thị trường bất động sản:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng các đề án, chính sách phát triển, tổ chức thực hiện và quản lý kinh doanh bất động sản; biện pháp điều tiết thị trường bất động sản;

b) Quản lý việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, quản lý hoạt động môi giới bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản;

Ban hành chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; nghiên cứu mô hình sàn giao dịch bất động sản do Nhà nước quản lý;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kinh doanh bất động sản, về điều kiện của tổ chức, cá nhân khi kinh doanh bất động sản, điều kiện của bất động sản được đưa vào kinh doanh và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin quốc gia về nhà ở và thị trường bất động sản; kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản với cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan theo quy định của pháp luật; xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên phạm vi cả nước;

đ) Thẩm định hoặc cho ý kiến đối với việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; có ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp

phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

12. Về vật liệu xây dựng:

a) Tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng;

b)¹⁵ *(được bãi bỏ)*

c)¹⁶ *(được bãi bỏ)*

d)¹⁷ *(được bãi bỏ)*

đ) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương;¹⁸

e)¹⁹ *(được bãi bỏ)*

g) Hướng dẫn các hoạt động thẩm định, đánh giá về chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng;²⁰ chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; kiểm định, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng;

h) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục, điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật đối với vật liệu xây dựng được xuất, nhập khẩu; vật liệu xây dựng hạn chế xuất, nhập khẩu; vật liệu xây dựng kinh doanh có điều kiện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

i) Hướng dẫn, kiểm tra các địa phương và doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;²¹ sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường trong các công trình xây dựng.

¹⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 152 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025.

¹⁶ Điểm này được bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

¹⁷ Điểm này được bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương trong quy hoạch tỉnh;” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

¹⁹ Điểm này được bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “chất lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng;” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

²¹ Cụm từ “chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;” được bỏ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

13. Về phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống, linh kiện phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng:

a) Quy định việc đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông; tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Quy định chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động đối với phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển;

c) Quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, việc kiểm định, kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, quản lý hoạt động công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, các tổng thành, hệ thống, linh kiện phụ tùng của phương tiện; phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; các phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, các công trình, phương tiện, thiết bị chuyên dùng sử dụng trong giao thông vận tải và các mục đích khác theo quy định của pháp luật;

d) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu đối với tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay khi xuất khẩu; cấp hoặc công nhận Giấy chứng nhận loại đối với tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay khi sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu;

đ) Quy định việc thẩm định thiết kế kỹ thuật trong sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, nhập khẩu phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải theo quy định của pháp luật;

e) Cấp giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam; quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép khai thác cho các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, hệ thống kỹ thuật và thiết bị bảo đảm hoạt động bay; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển²²; quy định điều kiện, tiêu chuẩn của cơ sở kiểm định chất lượng an toàn

²² Cụm từ “, phương tiện thủy nội địa” được bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển và các phương tiện, thiết bị, công trình khác theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao²³ theo quy định; ban hành quy trình kiểm định, quản lý các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo thẩm quyền.

14. Về an toàn lao động trong thi công xây dựng:

a) Chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi quản lý;

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động sử dụng trong thi công xây dựng; xây dựng danh mục chi tiết các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng, ban hành quy trình kiểm định và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công;

c) Tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng kiểm định thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý, công bố trên trang thông tin điện tử của bộ;

đ) Hướng dẫn thực hiện thống kê, khai báo, điều tra và báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

15. Quy định việc đào tạo, huấn luyện, sát hạch, cấp, công nhận, thu hồi giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn cho người điều khiển phương tiện giao thông,

²³ Cụm từ “khả năng gây mất an toàn” được thay thế bằng cụm từ “mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao” theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

người vận hành phương tiện, thiết bị chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ nhiệm vụ sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; người điều khiển phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá); đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ kiểm định và đối tượng làm việc đặc thù trong lĩnh vực giao thông vận tải theo thẩm quyền.

16. Về vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng và vận tải đa phương thức:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải, cơ chế, chính sách phát triển vận tải, các dịch vụ hỗ trợ vận tải theo quy định của Chính phủ;

b) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực khai thác vận tải;

c) Công bố đường bay dân dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép; công bố các tuyến vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và mạng vận tải công cộng theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn thực hiện vận tải đa phương thức theo quy định của Chính phủ;

đ) Tổ chức cấp phép hoạt động bay dân dụng; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế phối hợp quản lý hoạt động bay dân dụng;

e) Quy định chi tiết việc quản lý hoạt động tại cảng hàng không, sân bay (không bao gồm hoạt động bay), cảng biển, cảng cạn, cảng, bến thủy nội địa, ga đường sắt và quản lý các tuyến vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải.

17. Về an ninh, an toàn giao thông (trừ nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không trong máy bay và trên mặt đất):

a) Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án tổng thể về bảo đảm an toàn giao thông trên phạm vi cả nước sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của bộ;

b)²⁴ Ban hành Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam theo thẩm quyền; quy định chi tiết việc xây dựng, đánh giá, phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển, kế hoạch an ninh cảng biển và kế hoạch an ninh khu nước, vùng nước; quy định việc cấp chứng nhận liên quan đến an ninh tàu biển, an ninh cảng biển; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện kiểm tra và cung cấp thông tin an ninh, an toàn hàng không dân dụng, hàng hải theo quy định của pháp luật;

²⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

c)²⁵ Tổ chức điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, tai nạn hàng hải theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện tìm kiếm cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu trong giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không dân dụng theo thẩm quyền.

18. Về môi trường trong hoạt động xây dựng, giao thông vận tải:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lồng ghép các quy hoạch, kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ;

b) Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý hoạt động của phương tiện giao thông vận tải và hoạt động khác thuộc phạm vi, thẩm quyền được giao theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Quy định việc cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác, vận chuyển trên biển và hàng không dân dụng (trừ phương tiện giao thông của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá); chủ trì hướng dẫn kiểm định, xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường đối với xe ô tô và xe cơ giới khác;

d) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng và hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện giao thông vận tải theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng, triển khai thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc phạm vi quản lý của bộ;

²⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

h) Phát triển, quản lý mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

19. Xây dựng, hướng dẫn và triển khai thực hiện Chiến lược khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực quản lý của ngành; tổ chức thẩm định, đánh giá và công nhận công nghệ xây dựng, tiến bộ khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ; xây dựng và hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đo lường, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; chỉ đạo việc xây dựng, triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử của ngành; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu, bảo đảm dịch vụ thông tin phục vụ quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, giao thông vận tải; xây dựng và quản lý vận hành hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

20. Tổ chức thực hiện công tác thống kê, lưu trữ tài liệu, số liệu về các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

21. Về dịch vụ công:

a) Quản lý nhà nước các dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật;

b) Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực quản lý;

c) Hướng dẫn các tổ chức thực hiện dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

22. Về doanh nghiệp, hợp tác xã:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện;

b) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu, đề án sắp xếp đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo phân công, phân cấp;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với ngành, nghề kinh doanh, dịch vụ có điều kiện và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền;

d)²⁶ Thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Tài chính chỉ đạo các tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước do Bộ Tài chính là cơ quan đại diện chủ sở hữu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đột xuất, cấp bách và các nhiệm vụ quan trọng khác của ngành, lĩnh vực xây dựng theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đề ra.

23. Về phương thức đối tác công tư:

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho các dự án kết cấu hạ tầng giao thông;

b) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền về cơ chế, chính sách thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông và dịch vụ theo phương thức đối tác công tư;

c) Tổ chức xúc tiến đầu tư và vận động vốn ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với chiến lược, kế hoạch và danh mục dự án đã được phê duyệt;

d) Hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp danh mục, các chương trình, dự án ưu tiên để thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; theo dõi, đánh giá các chương trình, dự án về tình hình thực hiện và hiệu quả thu hút, sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước;

đ) Quản lý, hướng dẫn về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật về hợp tác công tư.

24. Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình, dự án khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các sản phẩm cơ khí xây dựng và giao thông vận tải.

25. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Xây dựng; xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý xây dựng, phát triển đô thị, giao thông đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn các cấp.

²⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

26.²⁷ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo phân công của Chính phủ; chủ trì đề xuất việc ký kết, thực hiện điều ước quốc tế; ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật; tham gia các tổ chức quốc tế theo phân công của Chính phủ.

27. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

28. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với hội, các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

29.²⁸ Kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân; thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

30. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

31. Quản lý, tổ chức thực hiện công tác tài chính, tài sản nhà nước, đầu tư phát triển và xây dựng thuộc phạm vi quản lý của bộ; tổ chức thực hiện quản lý ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật.

32. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được giao, phân công hoặc ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức²⁹

1. Văn phòng.
2. Vụ Hợp tác quốc tế.
3. Vụ Pháp chế.
4. Vụ Kế hoạch - Tài chính.

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

²⁸ Cụm từ “Thanh tra,” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 109/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

²⁹ Khoản 2 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 109/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025; Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

5. Vụ Tổ chức cán bộ.
6. Vụ Quy hoạch - Kiến trúc.
7. Vụ Vận tải và An toàn giao thông.
8. Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng.
9. Cục Hàng không Việt Nam.
10. Cục Đường bộ Việt Nam.
11. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
12. Cục Đường sắt Việt Nam.
13. Cục Đăng kiểm Việt Nam.
14. Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng.
15. Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.
16. Cục Phát triển đô thị.
17. Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản.
18. Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng.
19. Trung tâm Công nghệ thông tin.
20. Báo Xây dựng.
21. Tạp chí Xây dựng.
22. Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 18 Điều này là tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 19 đến khoản 22 Điều này là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của bộ.

Cục Hàng không Việt Nam là Cục loại 1. Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam được sử dụng con dấu hình Quốc huy.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc bộ; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc bộ theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành³⁰

³⁰ Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 109/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 81/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

Điều 155 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 155. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các nghị định sau hết hiệu lực kể từ ngày nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 153 của Nghị định này:
 - a) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
 - b) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
 - c) Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
 - d) Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;
 - đ) Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;
 - e) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;
 - g) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

Điều 24 và Điều 25 của Nghị định số 35/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Xây dựng có quyền hạn, trách nhiệm sau đây:
 - a) Giúp Chính phủ làm đầu mối thống nhất quản lý việc phát triển đô thị trên phạm vi cả nước;
 - b) Xây dựng các định hướng, chiến lược, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, các chương trình, chỉ tiêu về phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh của đất nước theo từng giai đoạn; xây dựng các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện;
 - c) Chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành có liên quan, các địa phương tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, Nghị định này và quy định của pháp luật trong lĩnh vực phát triển đô thị theo thẩm quyền;
 - d) Định kỳ hàng năm, Bộ Xây dựng lựa chọn một số tỉnh, thành phố để khảo sát, đánh giá việc triển khai thực hiện chương trình phát triển đô thị, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững của địa phương để yêu cầu địa phương có giải pháp tháo gỡ các tồn tại, vướng mắc trong việc thực hiện; kinh phí thực hiện khảo sát, đánh giá được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước của Bộ Xây dựng;
 - đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý việc phát triển đô thị quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Nghị định này.
2. Bộ Tài chính có quyền hạn, trách nhiệm sau đây:
 - a) Chủ trì tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ vốn đầu tư xây dựng các dự án để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại đô thị được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách của Trung ương;
 - b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền ban hành các cơ chế chính sách về tài chính để thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn theo thẩm quyền và theo quy định bảo đảm việc quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai; phối hợp với Bộ Xây dựng và các địa phương trong việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn, trách nhiệm sau đây:

a) Thống nhất quản lý phát triển đô thị trên địa bàn; quyết định theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách để khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật, phù hợp tình hình thực tế địa phương và có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cơ chế, chính sách đã được ban hành trên địa bàn;

b) Chỉ đạo việc tổ chức lập, phê duyệt, bố trí nguồn vốn từ ngân sách của địa phương hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng, điều chỉnh, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và công bố việc công nhận loại đô thị trên địa bàn theo quy định của Nghị định này; căn cứ điều kiện thực tiễn, thực hiện lập kế hoạch phát triển đô thị quy định tại Điều 7, Điều 8 của Nghị định này đối với các đô thị thuộc đơn vị hành chính nông thôn quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15;

c) Bố trí nguồn vốn đầu tư công hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện khu vực phát triển đô thị (nếu có), các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn theo chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt; chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt;

d) Thực hiện việc công nhận loại đô thị, công nhận trình độ phát triển đô thị, phê duyệt, triển khai khu vực phát triển đô thị trên địa bàn theo quy định. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, có thể quyết định thành lập một Hội đồng thẩm định liên ngành chung trong một giai đoạn cụ thể hoặc thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành cho từng trường hợp cụ thể để thẩm định đề án công nhận loại đô thị;

đ) Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức và phân giao chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan của địa phương để thực hiện việc quản lý phát triển đô thị theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, Nghị định này và pháp luật có liên quan; chỉ đạo thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực phát triển đô thị theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền các văn bản, quy định của pháp luật về quản lý phát triển đô thị và vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành các quy định của pháp luật về phát triển đô thị; bảo đảm nguồn lực cho công tác đối ngoại tại địa phương và chủ động trong hợp tác quốc tế để huy động nguồn lực, kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật trong phát triển đô thị trên địa bàn;

g) Hàng năm, tổ chức đánh giá việc thực hiện các nội dung được quy định trong chương trình, kế hoạch phát triển đô thị để bảo đảm việc thực hiện theo đúng quy định và có phương án bố trí nguồn lực phục vụ cho việc đầu tư phát triển đô thị phù hợp với tình hình thực tế và ngân sách của địa phương;

h) Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện các quy định trong lĩnh vực phát triển đô thị; thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, Nghị định này hoặc do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý phát triển đô thị trên địa bàn và thực hiện các nhiệm vụ khác được Nghị định này hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

Đối với Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phân giao nhiệm vụ cụ thể trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Nghị định này cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền hạn, trách nhiệm sau đây:

a) Thống nhất việc quản lý phát triển đô thị trên địa bàn, tổ chức xây dựng, trình phê duyệt hoặc thực hiện phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đô thị và bố trí nguồn vốn từ ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của Nghị định này;

b) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn theo thẩm quyền thuộc diện quản lý và theo kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt;

c) Triển khai thực hiện các quy định về phát triển đô thị thuộc thẩm quyền được giao theo quy định tại Nghị định này trên địa bàn; chủ động tham gia hợp tác quốc tế để huy động nguồn lực, kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật trong phát triển đô thị; thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý phát triển đô thị trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện các quy định trong lĩnh vực phát triển đô thị; thực hiện các nhiệm vụ khác được Nghị định này hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan của địa phương có liên quan đến lĩnh vực quản lý phát triển đô thị có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý phát triển đô thị theo thẩm quyền trên địa bàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chậm trễ trong thực hiện hoặc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý phát triển đô thị.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2025.

2. Nghị định này thay thế các Nghị định sau:

a) Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

b) Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

3. Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam tiếp tục hoạt động theo quy định hiện hành cho đến khi Bộ trưởng Bộ Xây dựng hoàn thành việc sắp xếp và ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị này theo quy định, hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2025. Vụ Quản lý doanh nghiệp tiếp tục duy trì để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến tái cơ cấu Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy và chấm dứt hoạt động trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Khoản 9, 10 Điều 2, Điều 3, Điều 3a, Điều 4, Điều 5, khoản 1, 2 Điều 9, Điều 40, Điều 41, Điều 46 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

b) Điểm d khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

c) Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

d) Khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chỉ tiêu thống kê tại Mục số 0115. Tỷ lệ đô thị hóa của Phụ lục 1. Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các quy định tại điểm 1. Khái niệm, phương pháp tính như sau:

“1. Khái niệm, phương pháp tính:

Tỷ lệ đô thị hóa là tỷ lệ phần trăm (%) giữa quy mô dân số đô thị (P) tại đô thị loại II, loại III được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc xác định loại đô thị theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 so với tổng dân số.

Quy mô dân số đô thị (P) bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong đô thị theo quy định của pháp luật về cư trú.

Công thức tính: $P = N + Nt$

Trong đó:

P: Quy mô dân số đô thị (người);

N: Dân số thường trú trong đô thị (người);

Nt: Dân số tạm trú trong đô thị (người).”;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định tại gạch đầu dòng thứ 2 của điểm 5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp như sau:

“- Phối hợp: Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

Điều 5 của Nghị định số 354/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.”.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

BỘ XÂY DỰNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Trung tâm CNTT (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng);
- Vụ Pháp chế (để cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, TCCB.



BỘ TRƯỞNG


Trần Hồng Minh